

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Thông tin**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Thông tin là tổ chức chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ Nội vụ, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành; phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ và sự chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ; tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin tin học của Bộ.

2. Trung tâm Thông tin là đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

3. Trung tâm Thông tin có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin:

a) Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan Bộ; thẩm định kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị và tổ chức thuộc Bộ; tổng hợp xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành trình Bộ trưởng phê duyệt;

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ tin học theo kế hoạch đã được phê duyệt;

d) Tổ chức nghiên cứu, phân tích dự báo các vấn đề có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của Bộ.

2. Quản lý các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin:

a) Trình Bộ trưởng ban hành các chế độ, chính sách liên quan đến việc quản lý ứng dụng công nghệ thông tin của toàn ngành;

b) Trình Bộ trưởng ban hành các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin để áp dụng thống nhất trong toàn ngành, bao gồm chuẩn công nghệ thông tin, chế độ bảo mật và an toàn thông tin;

c) Trình Bộ trưởng ban hành hoặc ban hành theo uỷ quyền của Bộ các văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện các quy định của Bộ và các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, trong việc quản lý và cung cấp thông tin quản lý chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

d) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành các định mức chi phí cho các hoạt động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để áp dụng cho toàn ngành;

đ) Tham gia ý kiến, đề xuất việc phân bổ các nguồn vốn sử dụng cho hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin đã được phê duyệt;

e) Tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành về lĩnh vực công nghệ thông tin được áp dụng trong ngành;

g) Thẩm định về mặt kỹ thuật và công nghệ đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin:

a) Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện các quy định của Bộ trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống;

c) Trình Bộ trưởng xử lý những trường hợp sai phạm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Xây dựng và quản lý vận hành Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành mà Bộ được giao quản lý:

a) Xây dựng, triển khai và vận hành Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành mà Bộ được giao quản lý, đảm bảo thu nhận, xử lý và kết xuất thông tin đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác và an toàn theo yêu cầu quản lý của Bộ;

b) Tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp các thông tin dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật và của Bộ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ triển khai việc cung cấp và trao đổi thông tin với các cơ sở dữ liệu thông tin chuyên ngành;

c) Chủ trì xây dựng, quản lý kỹ thuật, điều hành và duy trì hoạt động của cổng hoặc trang thông tin điện tử của Bộ.

5. Trực tiếp xây dựng, triển khai, vận hành các ứng dụng công nghệ thông tin chính trong ngành:

a) Xây dựng, triển khai, quản trị vận hành và hỗ trợ kỹ thuật cho:

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Bộ;

- Hệ thống hạ tầng truyền thông thống nhất của ngành;

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và chương trình ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu quốc gia mà Bộ được giao quản lý, Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ;

- Bảo đảm tương thích về công nghệ trong hệ thống thông tin trong ngành.

b) Tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung và tích hợp giữa các hệ thống trong toàn ngành;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý của Lãnh đạo Bộ:

- Xây dựng và triển khai công tác tin học hoá quản lý hành chính nhà nước và tạo nền tảng cho Chính phủ điện tử, phục vụ công tác quản lý, điều hành của Bộ trưởng;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, quản lý thực hiện cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành, các hệ thống thông tin quản lý và các phần mềm quản lý chuyên ngành;

- Làm đầu mối tập trung quản lý và xử lý cơ sở dữ liệu phục vụ các nhiệm vụ do Bộ trưởng phân công.

d) Tổ chức triển khai, bảo đảm kỹ thuật cho việc cung cấp dịch vụ hành chính công trên mạng thuộc phạm vi quản lý của Bộ và theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức có liên quan thực hiện công tác bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống tin học, các cơ sở dữ liệu điện tử của Bộ.

6. Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ và các kỹ năng về công nghệ thông tin, cập nhật kiến thức mới và chuyển giao các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành cho các đối tượng sử dụng theo kế hoạch và chương trình được duyệt.

7. Tổ chức biên tập, xuất bản các ấn phẩm, tập san, thông tin về cơ chế chính sách, các hoạt động quản lý; tổ chức các sự kiện, phục vụ yêu cầu chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ và các cơ quan, đơn vị trong ngành Nội vụ.

8. Tổ chức thực hiện, tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin, tin học và truyền thông theo quy định của pháp luật và của Bộ.

9. Tư vấn, cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin, tin học hoá quản lý hành chính liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ và ngành.

10. Về nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Bộ và ngành:

a) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, đơn vị về khoa học và công nghệ nghiên cứu, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và các sản phẩm công nghệ thông tin;

b) Ký kết và thực hiện các hợp đồng về nghiên cứu, tạo lập, khai thác, sử dụng, cung cấp thông tin và các hoạt động về công nghệ thông tin, tin học theo quy định của pháp luật và của Bộ.

11. Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê.

12. Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quản lý tài chính, tài sản theo các quy định, chế độ của Nhà nước và của Bộ.

13. Trung tâm Thông tin được quyền:

a) Mời và chủ trì các cuộc họp, hội thảo về chuyên môn quản lý thông tin và công nghệ thông tin;

b) Dự các hội nghị của Bộ, của các Bộ, ngành và địa phương để thu thập thông tin phục vụ cho các trang thông tin điện tử, công tác quản lý của Bộ và sự chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ;

c) Được đề nghị các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các Vụ (Ban) Tổ chức cán

bộ của các Bộ, ngành, Sở Nội vụ của các địa phương cung cấp thông tin và các dữ liệu thông tin liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của Bộ để thực hiện nhiệm vụ, phục vụ công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo Bộ;

d) Cung cấp các thông tin lưu giữ theo quy định của pháp luật và của Bộ;

đ) Trao đổi thông tin với các cơ quan trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và của Bộ;

e) Được sử dụng công tác viên thông tin và công nghệ thông tin.

14. Trình Bộ trưởng ban hành Quyết định về Quy chế hoạt động của Trung tâm Thông tin.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm Thông tin

1. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin bao gồm:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Quản trị và phát triển hệ thống;

c) Phòng Thông tin và cơ sở dữ liệu;

d) Phòng Trang thông tin điện tử.

Mỗi Phòng có một Trưởng phòng và không quá hai Phó trưởng phòng.

Các Trưởng phòng và Phó trưởng phòng do Giám đốc Trung tâm Thông tin bổ nhiệm.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng do Giám đốc Trung tâm Thông tin quy định.

2. Cơ chế hoạt động:

a) Trung tâm Thông tin hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Trung tâm Thông tin có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc Trung tâm Thông tin do Bộ trưởng Bộ Nội vụ bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nội vụ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm. Giúp việc Giám đốc có các Phó giám đốc. Các Phó giám đốc do Giám đốc đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ bổ nhiệm. Các Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó giám đốc được Giám đốc uỷ quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm;

b) Công chức, viên chức của Trung tâm Thông tin được sắp xếp và bổ nhiệm vào các ngạch, bậc, chức danh chuyên môn theo các quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Nội vụ.

3. Biên chế của Trung tâm Thông tin: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm của Trung tâm Thông tin, Giám đốc Trung tâm Thông tin trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định. Trung tâm Thông tin được sử dụng lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật.

4. Cơ chế tài chính:

a) Trung tâm Thông tin được áp dụng cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Trung tâm Thông tin được Bộ Nội vụ cấp kinh phí hoạt động theo quy định của Luật ngân sách, Luật công nghệ thông tin và các nguồn khác theo quy định của Nhà nước và Bộ Nội vụ.

Điều 4. Giám đốc Công nghệ thông tin

1. Giám đốc Trung tâm Thông tin đảm nhận chức danh Giám đốc Công nghệ thông tin, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm:

Giám đốc Công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 41/2003/QĐ-BNV ngày 17/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tin học và các quy định khác trước đây trái với Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cán bộ, công chức, viên chức của Trung tâm Thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TTU*

Nơi nhận:

- Như Điều 5,
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TTTT(05), TCCB (02) .

BỘ TRƯỞNG

Trần Văn Tuấn